

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HS-PT  
Ngày 17-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Văn Ngọt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo P.C.T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2021/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. P.C.T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P.C.B và bà H.T.H; vợ: P.T.D.K; con: có 01 con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**2. N.T.H**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.H.M và bà N.T.X.K; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 23/01/2021, N.T.H điều khiển xe mô tô biển số 71B4 - xxx.xx chở P.C.T đến quán bar N ở ấp 1, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để chơi. Tại đây, P.C.T gặp một người đàn ông không rõ lai lịch mua 03 viên ma túy

giá 1.000.000 đồng, sau đó P.C.T cùng N.T.H sử dụng hết 01 viên, 02 viên ma túy còn lại P.C.T cất trong túi quần. Khoảng 23 giờ cùng ngày, P.C.T kêu N.T.H chở P.C.T về nhà để cả hai tiếp tục sử dụng 02 viên ma túy còn lại. Đến 00 giờ 10 phút ngày 24/01/2021, khi N.T.H chở P.C.T về đến khu vực lộ T thuộc ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thì bị Tổ tuần tra Công an xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện túi quần phía trước, bên trái của P.C.T có một túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp vạch màu đỏ, bên trong chứa 02 viên ma túy dạng nén màu xanh lá cây. Công an xã T thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Thành đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) túi nylon màu trắng, hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, chứa 02 viên nén màu xanh lá cây, được niêm phong trong phong bì màu trắng, ký hiệu M.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2, màu đen, số Emei 1: 354223100700269, số Emei 2: 354223100728260, có gắn sim số thuê bao 0702929221 của P.C.T.

Tại Bản kết luận giám định số 10/2021/GĐMT ngày 26/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: 02 (hai) viên nén màu xanh lá cây đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,7199 gam. Mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng 0,3746 gam được niêm phong trong phong bì ký hiệu M.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2021/HS-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo P.C.T và N.T.H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.C.T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.T.H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; cùng ngày 04/10/2021, các bị cáo P.C.T và N.T.H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm. Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo P.C.T và N.T.H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P.C.T 01 năm 03 tháng tù và xử phạt bị cáo N.T.H 01 năm tù là tương xứng; kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo P.C.T 01 năm 03 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.T.H 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo tranh luận và nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 24/01/2021, tại khu vực lộ T thuộc ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Lực lượng Công an xã T phối hợp với Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bắt quả tang N.T.H điều khiển xe mô tô chở P.C.T có hành vi cất giấu trong túi quần phía trước bên trái của P.C.T 02 viên ma túy dạng thuốc lắc, loại MDMA, khối lượng 0,7199 gam.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình

sự; đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,7199 gam ma túy, loại MDMA, trong đó bị cáo P.C.T là người trực tiếp mua trái phép chất ma túy và cất giấu trái phép chất ma túy trong người nhằm mục đích để sử dụng trái phép, bị cáo N.T.H biết bị cáo P.C.T mua chất ma túy để sử dụng trái phép, nhưng đã dùng xe mô tô để chở bị cáo P.C.T cùng chất ma túy và bị bắt giữ, nên bị cáo N.T.H đã đồng phạm với bị cáo P.C.T; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo P.C.T và N.T.H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo P.C.T và N.T.H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo P.C.T *có tham gia dân quân tự vệ tại địa phương, có cha được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, có ông ngoại là liệt sĩ, có 01 con còn nhỏ* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo N.T.H *có cha tham gia kháng chiến* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo P.C.T 01 năm 03 tháng tù và xử phạt bị cáo N.T.H 01 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù tại cấp phúc thẩm; bị cáo P.C.T cung cấp tình tiết có cha bị bệnh tăng huyết áp vô căn, thoái hóa đa khớp, trĩ, mẹ bị bệnh men gan tăng cao, viêm khớp, thoái hóa - THA; bị cáo N.T.H cung cấp tình tiết có mẹ bị bệnh phổi, để xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đã tàng trữ trái phép khối lượng 0,7199 gam ma túy, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Các bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên

không đủ điều kiện để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; bị cáo N.T.H phạm tội với vai trò giúp sức là dùng xe mô tô chở bị cáo P.C.T cùng chất ma túy và bị bắt giữ, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N.T.H 01 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng; bị cáo P.C.T phạm tội với vai trò thực hành, là người trực tiếp bỏ tiền ra mua chất ma túy, cất giấu chất ma túy và bị bắt giữ, hành vi phạm tội của bị cáo P.C.T là nguy hiểm cho xã hội hơn so với bị cáo N.T.H nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N.T.H, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P.C.T 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo P.C.T đã gây ra; vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nghiêm trọng, đã gây ra nhiều hệ quả xấu cho xã hội, chính ma túy đã gây tổn hại cho sức khỏe của con người, làm suy giảm giống nòi, suy giảm đạo đức xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vì vậy đối với tội phạm về ma túy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng tích cực trong việc răn đe người phạm tội và phòng, chống tội phạm về ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù không cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp; vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo P.C.T và N.T.H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 52/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo P.C.T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.T.H 01 (một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

**2. Về án phí:** căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo P.C.T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo N.T.H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (6b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã T, huyện Châu Thành (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tôn Văn Thông**